



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	0102004703	ngày 11/3/2002
Đăng ký Kinh doanh số	0102004703, điều chỉnh lần 1	ngày 27/10/2003
	0102004703, điều chỉnh lần 2	ngày 27/02/2006
	0102004703, điều chỉnh lần 3	ngày 03/8/2007
	0103018927	ngày 08/8/2007
	0103018927, điều chỉnh lần 1	ngày 20/8/2009
	0103018927, điều chỉnh lần 2	ngày 23/10/2009
	0101217009, điều chỉnh lần 3	ngày 25/5/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 4	ngày 21/6/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 5	ngày 04/11/2010
	0101217009, điều chỉnh lần 6	ngày 04/3/2011
	0101217009, điều chỉnh lần 7	ngày 16/3/2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Thành viên	Trần Xuân Kiên	Chủ tịch
	Đỗ Thị Thu Hường	Thành viên
	Srisant Chitvaranund	Thành viên (từ ngày 20/9/2010)
	Nghiêm Xuân Thắng	Thành viên (từ ngày 20/9/2010)
	Phạm Đắc Huê	Thành viên
	Hoàng Anh Tuấn	Thành viên
	Bùi Xuân Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc	Trần Xuân Kiên	Tổng Giám đốc
	Đỗ Thị Thu Hường	Phó Tổng Giám đốc
	Nghiêm Xuân Thắng	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký
1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt cho phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-050



Wang Toan Kim

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		244.326.570.602	126.430.931.463
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	122.446.585.418	32.651.723.463
Tiền	111		7.346.585.418	5.245.560.848
Các khoản tương đương tiền	112		115.100.000.000	27.406.162.615
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.350.000.000	2.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		2.350.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.684.044.747	5.171.448.640
Phải thu khách hàng	131		5.812.355.963	2.259.198.372
Trả trước cho người bán	132		871.688.784	2.912.250.268
Hàng tồn kho	140	4	60.445.297.381	70.321.524.903
Hàng tồn kho	141		63.237.625.360	71.042.560.404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.792.327.979)	(721.035.501)
Tài sản ngắn hạn khác	150		52.400.643.056	16.286.234.457
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.198.022.119	2.341.463.417
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.903.918.872
Tài sản ngắn hạn khác	158		51.202.620.937	9.040.852.168
Tài sản dài hạn	200		7.952.040.681	8.326.858.340
Tài sản cố định	220		5.753.659.866	5.545.953.847
Tài sản cố định hữu hình	221	5	5.494.588.420	4.164.626.256
Nguyên giá	222		10.176.158.948	6.218.523.462
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.681.570.528)	(2.053.897.206)
Tài sản cố định vô hình	227	6	259.071.446	503.763.023
Nguyên giá	228		908.414.960	908.414.960
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(649.343.514)	(404.651.937)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	-	877.564.568
Tài sản dài hạn khác	260		2.198.380.815	2.780.904.493
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.198.380.815	2.780.904.493
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.278.611.283	134.757.789.803

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		73.082.006.212	47.775.580.607
Nợ ngắn hạn	310		72.515.609.962	46.397.461.416
Phải trả người bán	312		44.771.170.904	35.732.411.011
Người mua trả tiền trước	313		1.025.823.347	830.937.980
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	6.688.073.456	1.449.089.642
Phải trả công nhân viên	315		5.669.749.190	4.440.846.634
Chi phí phải trả	316		700.400.894	1.073.603.605
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	10	13.324.960.203	1.142.871.105
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		335.431.968	1.727.701.439
Nợ dài hạn	330		566.396.250	1.378.119.191
Nợ dài hạn khác	333		-	729.322.941
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	11	566.396.250	648.796.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179.196.605.071	86.982.209.196
Vốn chủ sở hữu	410		179.196.605.071	86.982.209.196
Vốn cổ phần	411	12	58.011.480.000	47.279.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	12	68.613.164.001	1.791.279.895
Cổ phiếu quỹ	414	12	(2.500.000)	(753.155.895)
Quỹ đầu tư phát triển	417	13	424.368.000	424.368.000
Quỹ dự phòng tài chính	418	13	3.268.517.815	1.509.004.735
Lợi nhuận chưa phân phối	420		48.881.575.255	36.731.352.461
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.278.611.283	134.757.789.803

Người lập:

Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc



30 -03- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	14	1.322.559.751.458	949.571.248.159
Các khoản giảm trừ	02	14	(6.708.021.994)	(7.986.819.576)
Doanh thu thuần	10		1.315.851.729.464	941.584.428.583
Giá vốn hàng bán	11		(1.187.665.157.171)	(843.287.894.572)
Lợi nhuận gộp	20		128.186.572.293	98.296.534.011
Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	8.560.801.390	6.639.039.988
Chi phí bán hàng	24		(71.070.891.795)	(49.039.301.975)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(16.110.023.702)	(10.053.057.737)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.566.458.186	45.843.214.287
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		384.650.176	1.886.456.300
Chi phí khác	32		(333.391.084)	(394.326.515)
Lợi nhuận trước thuế	50		49.617.717.278	47.335.344.072
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	51	16	(12.970.462.324)	(12.145.082.473)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		36.647.254.954	35.190.261.599
Lãi trên cổ phiếu		17		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.083	7.777

Người lập:

Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



30-03-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo thay đổi vốn chủ hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	30.140.110.000	1.791.279.895	(529.555.895)	424.368.000	424.368.000	21.892.374.536	54.142.944.536
Vốn cổ phần đã phát hành	2.211.150.000	-	-	-	-	-	2.211.150.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	35.190.261.599	35.190.261.599
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.084.636.735	(5.423.183.674)	(4.338.546.939)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(223.600.000)	-	-	-	(223.600.000)
Phát hành cổ phiếu thưởng	14.928.100.000	-	-	-	-	(14.928.100.000)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	47.279.360.000	1.791.279.895	(753.155.895)	424.368.000	1.509.004.735	36.731.352.461	86.982.209.196
Vốn cổ phần đã phát hành	10.732.120.000	67.224.530.001	-	-	-	-	77.956.650.001
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	36.647.254.954	36.647.254.954
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.759.513.080	(3.519.026.160)	(1.759.513.080)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	-	(20.978.006.000)	(20.978.006.000)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(371.500.000)	-	-	-	(371.500.000)
Cổ phiếu quỹ bán ra	-	(402.645.895)	1.122.155.895	-	-	-	719.510.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	58.011.480.000	68.613.164.001	(2.500.000)	424.368.000	3.268.517.815	48.881.575.255	179.196.605.071

Người lập:


 Phan Quang Trường
 Kế toán trưởng

30-03-2011

Người duyệt:


 Trần Xuân Kiên
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND Đã điều chỉnh lại Thuyết minh 2(a)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ khách hàng	01		1.443.605.172.642	996.392.947.308
Tiền đã thanh toán cho nhà cung cấp	02		(1.390.443.608.145)	(986.212.971.070)
Tiền đã trả công nhân viên	03		(28.829.314.775)	(19.839.710.106)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(9.403.790.387)	(12.938.353.588)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.279.223.863	22.614.688.384
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.225.246.841)	(6.704.401.213)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		17.982.436.357	(6.687.800.285)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.637.221.974)	(4.882.175.967)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		7.220.000	14.350.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 90 ngày	23		96.570.000.000	16.876.898.962
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 90 ngày	24		(96.920.000.000)	(2.000.000.000)
Thu lãi tiền gửi	27		7.863.477.571	3.953.278.137
Tiền thuần thu từ các hoạt động đầu tư	30		2.883.475.597	13.962.351.132

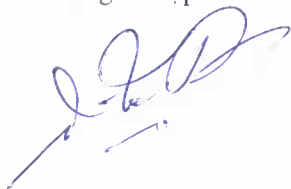
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Đã điều chỉnh lại Thuyết minh 2(a)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		77.956.650.001	2.211.150.000
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(371.500.000)	(223.600.000)
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	33		719.510.000	-
Tiền trả cổ tức	36		(9.375.710.000)	-
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		68.928.950.001	1.987.550.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		89.794.861.955	9.262.100.847
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		32.651.723.463	23.389.622.616
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	122.446.585.418	32.651.723.463

Người lập:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Kiên
Tổng Giám đốc

30-03-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 488 nhân viên (31/12/2009: 549 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

Năm trước, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |
| ▪ nâng cấp cửa hàng | 3 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chí phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(o) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	194.904.038	201.113.049
Tiền gửi ngân hàng	791.283.007	2.823.341.294
Tiền đang chuyển	6.360.398.373	2.221.106.505
Các khoản tương đương tiền	115.100.000.000	27.406.162.615
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.446.585.418	32.651.723.463

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền có đơn vị tiền tệ khác VNĐ trị giá 22 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.800 triệu VNĐ).

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công cụ và dụng cụ	103.652.820	591.770.859
Thành phẩm	1.808.897.435	1.764.557.833
Hàng hóa	61.325.075.105	68.686.231.712
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.792.327.979)	(721.035.501)
	60.445.297.381	70.321.524.903

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	721.035.501	721.035.501
Tăng dự phòng trong năm	2.071.292.478	-
Số dư cuối năm	<u>2.792.327.979</u>	<u>721.035.501</u>

Bao gồm trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có 38.596 triệu VND (31/12/2009: 34.685 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp cửa hàng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.607.506.767	2.992.208.433	618.808.262	6.218.523.462
Tăng trong năm	243.006.424	365.244.478	1.431.937.636	2.040.188.538
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	74.240.576	2.030.670.303	-	2.104.910.879
Thanh lý	(151.333.931)	(36.130.000)	-	(187.463.931)
Số dư cuối năm	<u>2.773.419.836</u>	<u>5.351.993.214</u>	<u>2.050.745.898</u>	<u>10.176.158.948</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	855.523.579	1.174.779.068	23.594.559	2.053.897.206
Khấu hao trong năm	915.525.088	1.513.716.345	279.289.153	2.708.530.586
Thanh lý	(69.592.264)	(11.265.000)	-	(80.857.264)
Số dư cuối năm	<u>1.701.456.403</u>	<u>2.677.230.413</u>	<u>302.883.712</u>	<u>4.681.570.528</u>
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.751.983.188	1.817.429.365	595.213.703	4.164.626.256
Số dư cuối năm	<u>1.071.963.433</u>	<u>2.674.762.801</u>	<u>1.747.862.186</u>	<u>5.494.588.420</u>

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 94 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 82 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	908.414.960
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	404.651.937
Tăng trong năm	244.691.577
Số dư cuối năm	649.343.514
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	503.763.023
Số dư cuối năm	259.071.446

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	877.564.568	10.000.000
Tăng trong năm	2.622.218.004	877.564.568
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.104.910.879)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.031.120.893)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(363.750.800)	-
Xóa sổ	-	(10.000.000)
Số dư cuối năm	-	877.564.568

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ	Chi phí trả trước VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	2.007.874.192	773.030.301	2.780.904.493
Tăng trong năm	1.276.631.127	93.055.998	1.369.687.125
Thanh lý	(134.450.909)	-	(134.450.909)
Phân bổ trong năm	(1.579.405.470)	(247.354.424)	(1.817.759.894)
Số dư cuối năm	1.579.648.940	618.731.875	2.198.380.815

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế Giá trị gia tăng	1.676.840.221	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.998.103.084	1.431.431.147
Thuế thu nhập cá nhân	13.130.151	17.658.495
	6.688.073.456	1.449.089.642

10. Phải trả khác

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Cổ tức phải trả	11.602.296.000	-
Nhận kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	926.243.907	370.000.000
Doanh thu chưa thực hiện	512.475.949	445.347.608
Các khoản phải trả, phải nộp khác	283.944.347	327.523.497
	13.324.960.203	1.142.871.105

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

11. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	648.796.250
Dự phòng sử dụng trong năm	(82.400.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	566.396.250

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đóng 176 triệu VND (2009: 135 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

12. Vốn góp

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.801.148	58.011.480.000	4.727.936	47.279.360.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.801.148	58.011.480.000	4.727.936	47.279.360.000
	5.801.148	58.011.480.000	4.727.936	47.279.360.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(250)	(2.500.000)	(35.051)	(350.510.000)
	(250)	(2.500.000)	(35.051)	(350.510.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.800.898	58.008.980.000	4.692.885	46.928.850.000
	5.800.898	58.008.980.000	4.692.885	46.928.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Ngày 10 tháng 6 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng bán cổ phần (“Hợp đồng”) với Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á (“Aureos”), trong đó Công ty đồng ý:

- Phát hành 1.073.212 cổ phiếu phổ thông mới cho Aureos trị giá 4,2 triệu USD; và
- Nếu Aureos không nhận được lợi nhuận đầu tư theo thỏa thuận tối thiểu trong suốt thời gian 3 năm đầu tư vào Công ty, Aureos có quyền tính một mức phí quản lý nhất định đối với Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.692.885	46.928.850.000	3.000.180	30.001.800.000
Cổ phiếu phổ thông mới phát hành trong năm	1.073.212	10.732.120.000	1.713.925	17.139.250.000
Cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	71.951	719.510.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(37.150)	(371.500.000)	(35.051)	(350.510.000)
Số dư cuối năm	5.800.898	58.008.980.000	4.692.885	46.928.850.000

13. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản của Đại hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty đã chuyển số tiền là 1.759.513.080 VND lợi nhuận sau thuế của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 vào quỹ dự phòng tài chính trong nguồn vốn chủ sở hữu.

14. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010 VND	2009 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	1.322.559.751.458	949.571.248.159
Giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.708.021.994)	(7.986.819.576)
Doanh thu thuần	1.315.851.729.464	941.584.428.583

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.244.880.394	3.647.747.650
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	43.249.259	2.638.087.807
Doanh thu hoạt động tài chính khác	272.671.737	353.204.531
	<hr/>	<hr/>
	8.560.801.390	6.639.039.988
	<hr/>	<hr/>

16. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	12.970.462.324	11.876.733.844
Dự phòng thiếu trong các năm trước	-	268.348.629
	<hr/>	<hr/>
	12.970.462.324	12.145.082.473
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	49.617.717.278	47.335.344.072
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.404.429.320	11.833.836.018
Chi phí không được khấu trừ thuế	566.033.004	42.897.826
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	268.348.629
	<hr/>	<hr/>
	12.970.462.324	12.145.082.473
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

17. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trị giá 36.647.254.954 VNĐ (2009: 35.190.261.599 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 5.173.863 (2009: 4.524.659), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	36.647.254.954	35.190.261.599
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.647.254.954	35.190.261.599

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	4.692.885	3.000.180
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mới phát hành trong năm	493.972	37.862
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	11.236	-
Phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2009	-	1.492.810
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm	(24.229)	(6.193)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	5.173.863	4.524.659

18. Cổ tức

Ngày 30 tháng 3 năm 2010, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 9.386 triệu VNĐ (20% mệnh giá mỗi cổ phiếu).

Ngày 24 tháng 11 năm 2010, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 11.602 triệu VNĐ (20% mệnh giá mỗi cổ phiếu). Cổ tức này được trả sau ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng	-	5.700.000.000
Trả cổ tức	2.226.800.000	-
Cổ tức phải trả	2.394.600.667	-
Đỗ Thị Thu Hường		
Cổ phiếu thưởng	-	5.730.100.000
Trả cổ tức	2.238.060.000	-
Cổ tức phải trả	2.238.060.000	-
Khoản đầu tư khác thay mặt Công ty	-	123.999.286.137
Tiền lãi từ lợi nhuận đầu tư	-	531.996.547
Aureos South East Aisa Fund Limited Liability Company		
Cổ tức phải trả	2.146.424.000	-
Phạm Đắc Huệ		
Cổ phiếu thưởng	-	600.000.000
Trả cổ tức	270.000.000	-
Cổ tức phải trả	270.000.000	-
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng	-	612.000.000
Trả cổ tức	236.000.000	-
Cổ tức phải trả	236.000.000	-
Nghiêm Xuân Thắng		
Trả cổ tức	46.000.000	-
Cổ tức phải trả	75.000.000	-
Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	-	105.570.000
Thù lao phải trả	293.178.040	-

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

20. Cam kết

Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.220.347.383	21.565.064.903
Trong vòng hai đến năm năm	48.873.386.321	59.484.115.760
Sau năm năm	20.649.912.398	36.939.441.685
	<hr/>	<hr/>
	89.743.646.102	117.988.622.348

21. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí kinh doanh	1.187.665.157.171	843.287.894.572
Chi phí nhân công	31.555.683.836	23.671.175.229
Chi phí khấu hao	4.770.982.057	2.542.354.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.410.590.239	23.506.668.546
Chi phí khác	7.443.659.365	9.372.061.307

Người lập:

Phan Quang Trường

Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Kiên

Tổng Giám đốc

30-03-2011